TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204 / 2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 6 - 2018
V/v: Ly hôn giữa
chị C và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.
Các Hội thẩm nhân dân dân:
Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên
Bà Võ Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2017/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:158 /2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 1983
Cư trú tại: khóm LT C, phường LH, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt)
- *Bị đơn*: Anh Lương Văn H, sinh năm 1976
Cư trú tại: khóm LH, phường LC, thị xã TC, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 Năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích C trình bày: Hôn nhân giữa tôi và anh Lương Văn H do mai mối và được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 1999, có đăng ký kết hôn trễ hạn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu nay là phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống tôi và anh H cảm thấy không hợp nhau và ly thân. Về quan hệ con chung có 02 con tên Nguyễn Ánh Tuyết, sinh ngày 06/8/2000 và Lương Văn Quang, sinh ngày 04/9/2004, cháu Tuyết đã lập gia đình và tự lao động được, còn cháu Quang hiện đang sống với anh H. Về quan hệ tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Tôi yêu cầu xin ly hôn với anh Lương Văn H, về con chung tôi đồng ý giao cháu Quang cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Lương Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Bích C và anh Lương Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu nay là phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp " Ly hôn " giữa chị Nguyễn Thị Bích C và anh Lương Văn H được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Chị Nguyễn Thị Bích C yêu cầu xin ly hôn với anh Lương Văn H, về con chung có 02 con tên Nguyễn Ánh Tuyết, sinh ngày 06/8/2000 và Lương Văn Quang, sinh ngày 04/9/2004, cháu Tuyết đã lập gia đình và tự lao động được, còn cháu Quang hiện đang sống với anh H, về quan hệ tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

[4] Anh Lương Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

[5] Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn pH được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

- khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

- Khoản 1-2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, C sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp

nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì pH xem xét nguyện vọng của con.

- Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, C sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Bích C và anh Lương Văn H quá trình chung sống vợ chồng cảm thấy không hợp nhau nên anh chị ly thân. Ngày 27/02/2018 Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Lương Văn H, được Ban nhân dân khóm Long Hưng, phường Long Châu, thị xã Tân Châu cung cấp, anh Lương Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm Long Hưng, phường Long Châu, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hiện nay đương sự Lương Văn H không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng 2-3 tháng có trở về địa phương. Ông Lương Văn Gi là cha ruột Lương Văn H cho biết trong thời gian chung sống vợ chồng C-H sống rất hạnh phúc nhưng từ khi vợ chồng C-H đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân thì mâu thuẫn nhau do cô C có quan hệ với người đàn ông khác, không phụ giúp gì cho chồng và ly thân cách nay khoảng 10 năm. Trong thời gian ly thân chị C và anh H không tự hòa giải để về chung sống lại mà để mâu thuẫn diễn biến ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cho chị Nguyễn Thị Bích C và anh Lương Văn H ly hôn là phù hợp. Về con chung có 02 con chung tên Nguyễn Ánh Tuyết, sinh ngày 06/8/2000 và Lương Văn Quang, sinh ngày 04/9/2004, hiện cháu Tuyết trưởng thành đã lập gia đình và tự lao động được, còn cháu Quang hiện đang sống với anh H, sau khi ly hôn chị C đồng ý giao cháu Quang cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không có.

[7] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị Bích C pH chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001362 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9-51-56-81-82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 điểm Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích C và anh Lương Văn H.

2. Về nuôi con chung:

- Anh Lương Văn H được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Lương Văn Quang, sinh ngày 04/9/2004 không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích C pH đóng góp nuôi con.

3. Về chia tài sản:

- Không có.
- Về nợ chung không có nợ.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Nguyễn Thị Bích C pH chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0001362 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Toà án tỉnh;
- VKSND thị xã;
-THADS thị xã
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VP.

Đào Văn On